

Bản án số: 59/2017/HSST
Ngày 28 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Thiện Thành
Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thái
Bà Tạ Thị Mai Hiền

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh - là Th- ký
Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông
Phạm Công Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 28/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ
thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSST ngày 05/9/2017, theo Quyết định đ- a
vụ án ra xét xử số 59/2017/HSST-QĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, đối với các bị
cáo:

1. Nguyễn Xuân C, sinh năm 1994; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T,
xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12;
con ông Nguyễn Kim H và bà Phạm Thị M; vợ con, chưa có; tiền án, tiền sự:
Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ- ọc thay
đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên
toà.

2. Trương Văn H1, sinh năm 1984; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T,
xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 02/12; con
ông Trương Văn X (đã chết) và bà Trần Thị L; vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1985 và
có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo
bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ- ọc thay đổi bằng biện
pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Vũ Văn D, sinh năm 1975; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T, xã G,
huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; con
ông Vũ Đức M và bà Nguyễn Thị R; vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1975 và có 02
con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt,
tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ- ọc thay đổi bằng biện pháp
ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Trương Văn H2, sinh năm 1988; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T,
xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 09/12;
con ông Trương Văn X (đã chết) và bà Trần Thị L; vợ Điền Thị L, sinh năm 1988

và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ-ợc thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

5. Trương Quang L, sinh năm 1992; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Trương Văn Thường và bà Vũ Thị Vĩnh; vợ Bùi Thị Hà, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ-ợc thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

6. Đặng Đắc V, sinh năm 1997; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn V, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; con ông Đặng Văn Khoa và bà Đặng Thị Thu; vợ con, chưa có; tiền án: Không; tiền sự ngày 05/7/2016 bị Công an huyện Gia Viễn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 17/10/2016 chấp hành xong Quyết định. Ngày 01/08/2016 bị Công an huyện Gia Viễn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 500.000 đồng về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 08/8/2016 chấp hành xong Quyết định; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ-ợc thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

7. Vũ Văn H3 sinh năm 1975; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 07/12; con ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ Nguyễn Thị T sinh năm 1978 và có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/6/2017, đến ngày 23/6/2017. Đ-ợc thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố về hành vi phạm tội nh- sau: Chiều tối ngày 20/6/2017, Nguyễn Xuân C và Đặng Đắc V ngồi uống bia tại khu vực ngã ba đường cảng Vissai, xã G; đến khoảng 20h cùng ngày, trong lúc đang ngồi uống bia, C điện thoại cho Trương Văn H1 hỏi “*Có ai đánh bạc không*” - ý hỏi có người nào đánh bạc tại nhà H1 không, H1 trả lời không có. Một lúc sau, H1 điện thoại lại cho C rủ C đến nhà H1 đánh bạc, C đồng ý rủ V và điện thoại rủ Trương Quang L đến nhà H1 đánh bạc, V và L đều đồng ý. Sau khi nhận được điện thoại của C, L điện thoại rủ Trương Văn H2 đến nhà H1 đánh bạc rồi đi bộ đến nhà H1, trên đường đi L gặp Vũ Văn H3 nên L đã rủ H3 đến nhà H1 đánh bạc. Khoảng 20h30' cùng ngày, C và V đi bộ đến nhà H1 thì thấy Vũ Văn D, Trương Văn H2, Trương Văn H1 đang ngồi uống nước, một lúc sau thì L và H3 đi bộ đến. Trong lúc ngồi uống nước, D nói “*Có chơi nhanh một lúc thì nghỉ*” thì H1 lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân ở thùng xe công nông của gia đình để ở ngoài sân đem vào cho C, C cầm bộ bài rồi cùng với D, H2, L ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở gian buồng lòi của nhà H1 đánh bạc bằng hình thức “*đánh ba cây*”, được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 100.000 đồng/người/ván, mức cao nhất là 300.000đồng/người/ván, còn V, H3, H1 ngồi ngoài xem các đối tượng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Nguyễn Văn

C đưa cho Trương Văn H1 300.000 đồng, là tiền các đối tượng thuê địa điểm nhà H1 làm nơi đánh bạc, H1 đồng ý cầm tiền sau đó trở bạn đi về nhà ở xã G nên không có mặt ở nhà. Quá trình ngồi xem đánh bạc, Vũ Văn H3 vay của L 100.000 đồng để kè cửa bài của L đánh bạc được 03 ván thì thua hết tiền nên không chơi nữa mà tiếp tục ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Chơi được khoảng 20 phút, do buồn ngủ nên C không chơi nữa mà nằm ngủ luôn tại nhà H1, thấy vậy V vào tham gia đánh bạc cùng với D, H2, L. Khoảng 22h cùng ngày, trong khi D, H2, L, V, H3 đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 17.000.000 đồng, 01 điện thoại HTC one màu đen, 01 bộ bài tứ lơ khơ 36 quân, 01 chiếc chiếu tre. Thu giữ của V 01 điện thoại I-phone5 màu trắng và 1.250.000 đồng, thu giữ của D 10.000 đồng và 01 điện thoại Samsung màu trắng, thu giữ của H2 01 điện thoại I-phone 5 màu trắng, thu giữ của L 01 điện thoại OPPO màu trắng. Lợi dụng lúc đông người, Nguyễn Xuân C và Vũ Văn H3 đã bỏ chạy, đến ngày 21/6/2017, C đã đến Công an huyện G đầu thú, ngày 22/6/2017, H3 và H1 đến Công an huyện G đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc của mình cùng đồng phạm; đồng thời H3 tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Masstel, H1 tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 300.000 đồng và chiếc điện thoại Nokia 105 màu đen.

Quá trình điều tra xác định, số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc ngày 20/6/2017 là 17.310.000 đồng (gồm 17.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 10.000 đồng thu giữ của D và 300.000 đồng thu giữ của H1). Đối với số tiền 1.250.000 đồng thu giữ của V, V không sử dụng vào việc đánh bạc.

Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình cùng đồng phạm.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 05/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1 ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “**Đánh bạc**” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1** phạm tội “**Đánh bạc**”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đặng Đắc V** từ 18 tháng đến 21 tháng Cải tạo không giam giữ (đ- ọc trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày Cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận đ- ọc bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Đặng Đắc V** cho ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo **Đặng Đắc V** từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Trương Văn H1** từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Bị cáo **Nguyễn Xuân C** từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Bị cáo **Vũ Văn D** từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Bị cáo **Trương Văn H2** từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Bị cáo **Trương Quang L** từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Bị cáo **Vũ Văn H3** từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 17.310.000 đồng (gồm 17.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 10.000 đồng thu giữ của Vũ Văn D và 300.000 đồng thu giữ của Trương Văn H1) và 01 điện thoại HTC màu đen thu giữ của Nguyễn Xuân C, 01 điện thoại I-phone 5 màu trắng thu giữ của Trương Văn H2, 01 điện thoại OPPO màu trắng thu giữ của Trương Quang L và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ của Trương Văn H1 là ph-ong tiện dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 01 chiếc chiếu là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

Trả lại cho bị cáo Đặng Đắc V số tiền 1.250.000 đồng là số tiền không sử dụng vào đánh bạc, nh- ng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo và lời khai của những ng- ời tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà các bị cáo **Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng nh- nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố. Các bị cáo khai khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/6/2017, trong khi Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1 ngồi uống n- ớc ở nhà Trương Văn H1 tại thôn T, xã G, huyện G, tỉnh N thì H1 lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân ở thùng xe công nông của gia đình để ở ngoài sân đem vào cho C, C cầm bộ bài rồi cùng với D, H2, L ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở gian buồng lòi của nhà H1 đánh bạc bằng hình thức "đánh ba cây", được thua bằng tiền với mức thấp nhất là 100.000 đồng/người/ván, mức cao nhất là 300.000đồng/người/ván, còn V, H3, H1 ngồi ngoài xem các đối tượng đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Nguyễn Văn C đưa cho Trương Văn H1 300.000 đồng, là tiền các đối tượng thuê địa điểm nhà H1 làm nơi đánh bạc. Quá trình ngồi xem đánh bạc, Vũ Văn H3 vay của L 100.000 đồng đánh được 03 ván thì thua hết tiền nên không chơi nữa. Chơi được khoảng 20 phút, C không chơi nữa mà nằm ngủ luôn tại nhà H1, thấy vậy V vào tham gia đánh bạc. Khoảng 22h cùng ngày, trong khi D, H2, L, V, H3 đang đánh bạc thì bị Tổ công tác Công an huyện G phối hợp với Công an xã G phát hiện, bắt quả tang.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của ng-ời làm chứng, phù hợp với biên bản bắt ng-ời phạm tội quả tang, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã đủ cơ sở kết luận hành vi đánh bạc bằng hình thức “*đánh ba cây*” đ-ợc thua bằng tiền, với số tiền sử dụng để đánh bạc là 17.310.000 đồng của **Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3**; Hành vi của **Trương Văn H1** thu 300.000 đồng tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc) của các bị cáo rồi để cho các bị cáo sử dụng nhà ở của mình làm nơi đánh bạc, đã phạm tội “**Đánh bạc**”. Căn cứ tính chất, mức độ, số tiền dùng vào việc đánh bạc và nhân thân của các bị cáo. Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo **Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1** theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, an toàn công cộng đ-ợc pháp luật hình sự bảo vệ.

Đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, Nhà n-ớc ta đang ra sức loại trừ. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, ng-ời có gia đình, ng-ời ch- a có gia đình, nh- ng không chịu tu chí làm ăn l-ơng thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh h-ởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn, vì vậy phải có biện pháp xử lý thật nghiêm minh, t-ơng xứng với hành vi của các bị cáo. Đồng thời đảm bảo đ-ợc tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, để cá thể hoá về hình phạt cần phải xác định vai trò, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm của từng bị cáo.

Đối với Trương Quang H1 là ng-ời khởi x-ớng, chủ động rủ rê các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bản thân là chủ nhà tuy không trực tiếp đánh bạc, nh- ng đã chuẩn bị bộ bài Tú lơ khơ và nhận 300.000 đồng tiền “hồ” của các bị cáo, rồi dùng nơi ở của mình để cho các bị cáo đánh bạc. Do vậy, Trương Quang H1 xếp vai trò đầu trong vụ vụ án.

Đối với Nguyễn Xuân C là người rủ Đặng Đắc V và Trương Quang L đánh bạc, còn Trương Quang L là người rủ Trương Văn H2 và Vũ Văn H3 đánh bạc; bản thân bị cáo C và L tích cực thực hiện hành vi đánh bạc cùng đồng phạm. Do vậy, Nguyễn Xuân C và Trương Quang L đều xếp vai trò thứ hai trong vụ án.

Đối với Đặng Đắc V đã có hai tiền sự, nh- ng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn phạm tội. Đối với Vũ Văn D, Trương Văn H2 và Vũ Văn H3 đều là những ng-ời thực hiện tội phạm một cách tích cực. Do vậy, V, D, H2 và H3 lần l-ợt xếp vai trò sau cùng trong vụ án.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cụ thể cũng cần xem xét đến trong quá trình điều tra và tại phiên Toà; các bị cáo đều thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc tr-ờng hợp ít nghiêm trọng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; đây là các tình tiết đ-ợc quy định tại điểm p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; biết hành vi của mình đã bị nhiều ng-ời phát hiện, nên bị cáo H1, C và H3 đã đến Công an huyện G đầu thú. Đây là tình tiết đ-ợc quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cần đ-ợc áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo Đặng Đắc V ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo ở trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo Đặng Đắc V bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 20/6/2017 đến ngày 23/6/2017) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, sẽ được trừ vào thời gian cải tạo của bị cáo. Bị cáo Đặng Đắc V làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định nên quyết định không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Phạt bổ sung thêm đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền, tuy là ít nghiêm khắc hơn nhưng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Về xử lý tài sản tạm giữ và vật chứng:

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên Tòa đã xác định số tiền các bị cáo ***Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D, Vũ Văn H3 và Trương Văn H1*** sử dụng vào việc đánh bạc là 17.310.000 đồng (gồm 17.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 10.000 đồng thu giữ của D và 300.000 đồng thu giữ của H1). Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại HTC one màu đen thu giữ của Nguyễn Xuân C, 01 điện thoại I-phone 5 màu trắng thu giữ của Trương Văn H2, 01 điện thoại OPPO màu trắng thu giữ của Trương Quang L và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ của Trương Văn H1, là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 01 chiếc chiếu là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.250.000 đồng, thu giữ của Đặng Đắc V không sử dụng vào đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo V, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại I-phone5 màu trắng thu giữ của Đặng Đắc V, 01 điện thoại Samsung màu trắng thu giữ của Vũ Văn D, 01 điện thoại Masstel thu giữ của Vũ Văn H3. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả các điện thoại trên cho Đặng Đắc V, Vũ Văn D và Vũ Văn H3 là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Trương Văn H1, Nguyễn Xuân C, Trương Quang L, Trương Văn H2, Đặng Đắc V, Vũ Văn D và Vũ Văn H3** phạm tội "**Đánh bạc**".

□p dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đặng Đắc V** 18 (m-ời tám) tháng Cải tạo không giam giữ (đ-ợc trừ 03 ngày tạm giữ bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ); thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại là 17 (m-ời bảy) tháng 21 (hai m-ời một) ngày, tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N nhận đ-ợc bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Đặng Đắc V** cho ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát giáo dục đối với bị cáo trong thời gian cải tạo.

Về hình phạt bổ sung:

□p dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo.

+ **Đặng Đắc V** **4.000.000** (bốn triệu) đồng.

□p dụng khoản 1 Điều 248, điểm p, h khoản 1 (*thêm khoản 2 đối với bị cáo H1, C và H3*) Điều 46 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Trương Văn H1** : **11.000.000** (mười một triệu) đồng

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân C**: **10. 000.000** (mười triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Trương Quang L**: **10. 000.000** (mười triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Văn D**: **9. 000.000** (chín triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Trương Văn H2**: **9. 000.000** (chín triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo **Vũ Văn H3**: **9. 000.000** (chín triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

□p dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà n-ớc số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 17.310.000 đồng (gồm 17.000.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc; 10.000 đồng thu giữ của Vũ Văn D và 300.000 đồng thu giữ của Trương Văn H1) và 01 điện thoại HTC màu đen thu giữ của Nguyễn Xuân C, 01 điện thoại I-phone 5 màu trắng thu giữ của Trương Văn H2, 01 điện thoại OPPO màu trắng thu giữ của Trương Quang L và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen thu giữ của Trương Văn H1 là ph-ơng tiện dùng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 01 chiếc chiếu là công cụ dùng vào việc phạm tội và vật chứng không có giá trị.

+ Trả lại cho bị cáo **Đặng Đắc V** số tiền 1.250.000 đồng là số tiền không sử dụng vào đánh bạc, nh-ng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền tịch thu sung quỹ Nhà N-ớc và trả lại bị cáo V gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Đặc điểm chi tiết các vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu sung quỹ Nhà N-ớc theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G).

□p dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự về việc phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành:

Trong tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

“Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự”

3. Về án phí:

□p dụng: Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Th- ờng vụ Quốc Hội. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

□n xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - T.H.A.DS huyện G;
 - VKSND huyện G;
 - Bị cáo;
 - L- u hồ sơ, văn phòng;
- (Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

HÀ THIỆN THÀNH